

Số: *48* /2016 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *12* tháng *12* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2522 /TTr-STC ngày 18 tháng 11 năm 2016 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó VP UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh (đăng công báo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- KBNN tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Thanh Trà

QUY CHẾ

**Quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước,
tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 48/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động; đơn vị sự nghiệp công lập; Ban Quản lý dự án, chương trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).
2. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Quy chế này bao gồm:
 - a) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cán bộ công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
 - b) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị để sử dụng tại các phòng làm việc của cơ quan, tổ chức đơn vị.
 - c) Máy móc, thiết bị trang bị để sử dụng cho phòng họp, hội trường, phòng thường trực, phòng lưu trữ và các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
 - d) Máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2. Đối với hệ thống mạng tin học (máy chủ và các thiết bị kèm theo), hệ thống điện thoại tổng đài, hệ thống thiết bị điện (hệ thống điều hoà trung tâm, hệ thống quạt thông gió cho cả toà nhà, hệ thống đèn thấp sáng và các thiết bị điện khác có liên quan) không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Quy chế này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Đối với cấp tỉnh:

a) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (tính cho 01 người) thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg).

b) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho phòng làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (tính cho 01 phòng làm việc) thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

2. Đối với cấp huyện:

a) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (tính cho 01 người) thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

b) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho phòng làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (tính cho 01 phòng làm việc) thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

3. Đối với cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã):

a) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (tính cho 01 người) thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

b) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho phòng làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (tính cho 01 phòng làm việc) thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

Điều 4. Trang bị máy móc, thiết bị tại các phòng để sử dụng chung cho phòng họp, hội trường, phòng thường trực, phòng lưu trữ và các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Máy móc, thiết bị (bàn, ghế, máy chiếu, ti vi, thiết bị âm thanh và máy móc, thiết bị khác) để trang bị tại các phòng: phòng họp, hội trường, phòng thường trực, phòng lưu trữ và phòng phục vụ hoạt động chung do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định trang bị về số lượng, chủng loại cho phù hợp với tính chất công việc, diện tích của các phòng, phù hợp với khả năng nguồn

kinh phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định trang bị máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 5. Trang bị, bố trí, sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng, xử lý máy móc, thiết bị văn phòng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quy chế này và Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg. Nghiêm cấm việc sử dụng máy móc, thiết bị không đúng tiêu chuẩn, định mức; làm thất thoát, hư hỏng máy móc, thiết bị.

Trong quá trình sử dụng máy móc, thiết bị, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ và tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước quy định.

Điều 6. Khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến

1. Việc khoán kinh phí sử dụng, máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg chỉ áp dụng đối với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cá nhân cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng, máy móc thiết bị.

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ công chức, viên chức thuộc cấp huyện quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ công chức, viên chức thuộc cấp xã quản lý.

3. Mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán} \\ \text{kinh phí sử} \\ \text{dụng máy móc,} \\ \text{thiết bị văn} \\ \text{phòng phổ} \\ \text{biến/tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới} \\ \text{máy móc, thiết} \\ \text{bị văn phòng} \\ \text{phổ biến trên} \\ \text{thị trường} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Thời gian sử} \\ \text{dụng theo quy} \\ \text{định (năm)} \end{array} : 12 \text{ tháng}$$

Trong đó:

- Giá mua mới máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trên thị trường được

xác định trên cơ sở lấy báo giá của ít nhất ba nhà cung cấp (ba nhà cung cấp phải đáp ứng các điều kiện: có thư ủy quyền hoặc giấy phép bán hàng của nhà sản xuất; có giấy cam kết bán hàng của đại lý được ủy quyền hoặc của nhà phân phối chính thức tại Việt Nam) hoặc tham khảo giá mua máy móc, thiết bị của các kỳ trước, đảm bảo không cao hơn mức giá theo quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

- Thời gian sử dụng theo quy định được xác định theo thời gian sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến theo chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 162/2014/TT-BTC). Trường hợp máy móc, thiết bị không thuộc quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC thời gian sử dụng máy móc, thiết bị tính bằng 05 (năm) năm.

4. Mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến quy định tại khoản 3 Điều này được thanh toán cho cán bộ, công chức, viên chức theo tháng.

5. Cán bộ, công chức, viên chức nhận khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có trách nhiệm tự trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến bị hư hỏng do yếu tố khách quan như sét đánh, chập cháy nguồn điện... nếu số kinh phí đã chi trả hàng tháng cho cán bộ, công chức, viên chức để bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên không đủ cho việc sửa chữa do sự cố gây ra thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đó chi trả phần chênh lệch giữa mức chi hàng tháng và kinh phí thực tế để sửa chữa máy móc, thiết bị.

6. Kinh phí khoán được bố trí từ nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Quy chế này.

2. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu phải trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có giá cao hơn không quá 10% so với mức giá tối đa quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

3. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định trong trường hợp cần thiết phải trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có giá cao hơn từ 10% đến không quá 20% so với mức giá tối đa quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức về máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trang bị cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này và các quy định của nhà nước hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không đủ điều kiện được nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế doanh nghiệp thì không được phép sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết.

4. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo việc quản lý, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định tại Quyết định này, Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được trang bị, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng máy móc, thiết bị có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn máy móc, thiết bị, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 10. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị không đúng thẩm quyền, không

đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quy chế này phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Đối với việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức sẽ bị thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị đúng quy định tại Quy chế này. Những nội dung không quy định tại Quy chế này, được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh trà